

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 22 - 11 - 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Đạm-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Tấn L, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Trần Tấn L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày:

Vào năm 1993, chị P và anh Trần Tấn L sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống có 02 con chung tên là Trần Thị C, sinh năm 1995 và Trần Văn T, sinh năm

2000. Thời gian đầu đời sống chung của vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Chị P đã nộp đơn khởi kiện ly hôn anh L tại Tòa án vào năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh L hứa hẹn và có viết tờ cam kết vào ngày 27/12/2021 với nội dung là từ nay về sau không có lời lẽ xúc phạm chị P và gia đình nhà vợ nên chị P đã rút đơn khởi kiện để cho anh L có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và vợ chồng đoàn tụ lại nhưng sau khi rút đơn khởi kiện thì anh L không thực hiện cam kết. Cụ thể là vào ngày 11/02/2022, sau khi uống rượu về anh L chửi bới, rượt đánh chị P và anh L đem hết quần áo, tủ bàn trang điểm của chị P ra phía sau nhà đốt hết. Sau đó Tổ hòa giải ấp B có mời chị P và anh L đến để hòa giải động viên cho hai bên không được gây mâu thuẫn nữa. Do cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, chị P đã ly thân với anh L từ tháng 02/2022 đến nay, không hàn gắn lại được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tấn L.

Về con chung: Các con đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Tấn L trình bày:

Năm 1993, anh L và chị P sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên là Trần Thị C, sinh năm 1995 và Trần Văn T, sinh năm 2000. Lúc đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị P không chịu đi làm cùng với anh L để kiếm tiền trang trải cuộc sống và trả nợ nên anh L mới có lời qua tiếng lại và cãi vã với chị P. Anh L thừa nhận chị P có đưa đơn ra Tòa xin ly hôn nhưng anh L không đồng ý và Tòa án có hòa giải động viên cho vợ chồng đoàn tụ nên chị P đã rút đơn khởi kiện. Ngày 11/02/2022 sau khi lời qua tiếng lại, do không kiềm chế được nên anh L có đốt quần áo của chị P, Tổ hòa giải ấp B có mời anh L và chị P hòa giải động viên 02 bên không được gây mâu thuẫn nữa, chị P tự ý bỏ nhà đi về nhà ba mẹ ruột sống và đi làm ở đâu không rõ từ tháng 02/2022 đến nay không trở về. Nay qua yêu cầu của chị P thì anh L có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị P vì còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thị C, sinh năm 1995 và Trần Văn T, sinh năm 2000, các con đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị P.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Tấn L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thị C, sinh năm 1995 và Trần Văn T, sinh năm 2000. Các con đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2022, bị đơn Trần Tấn L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Anh L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị P. Lý do anh L còn thương vợ, anh L không đồng ý ly hôn với chị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị P không rút đơn khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Trần Tấn L.

Anh Trần Tấn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh Lộc không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P vì anh L vẫn còn thương chị P.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Nhận thấy chị P và anh L chung sống với nhau vào năm 1993, đến năm 2007 thì đăng ký kết hôn, đến năm 2021 giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc chị P làm ăn nhưng giấu anh L và gây nợ, vì lý do này mà anh L nhiều lần có hành vi, lời lẽ xúc phạm chị P và cha mẹ chị P. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị P xin ly hôn anh L, anh L hứa sửa đổi nên chị P đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau đó anh L không sửa đổi nên chị P đã tiếp tục xin ly hôn, quá trình Tòa án giải quyết anh L cũng không có thiện chí thể hiện việc sửa đổi là gặp cha mẹ chị P để xin lỗi. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L cho rằng có chị P cùng anh L qua nhà xin lỗi cha mẹ chị P thì anh L mới dám qua. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cho ly hôn giữa chị P và anh L là có căn cứ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Tấn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh Trần Tấn L nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trần Tấn L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Năm 1993 chị Nguyễn Thị P và anh Trần Tấn L có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, đến ngày 06/8/2007 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 62 đã tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chị P và anh L có nhiều năm chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, từ việc chị P làm ăn nhưng giấu anh L rồi gây nợ nên dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng vợ chồng vẫn sống chung. Tuy nhiên sau đó anh L luôn nhắc lại sự việc chị P gây ra nợ và ngược đãi chị P, có lời lẽ xúc phạm chị P và gia đình chị P. Cuối năm 2021, chị P nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh L, tại Tòa án anh L cam kết sửa đổi nên chị P đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ gia đình. Song anh L không sửa đổi, vẫn tiếp tục có lời lẽ thiếu tế nhị, xúc phạm chị P và gia đình chị P, anh L đã mang quần áo, bàn trang điểm của chị P đốt toàn bộ và vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Từ ngày vợ chồng ly thân đến nay, anh L không liên lạc với chị P để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đến gia đình chị P nhìn nhận những lỗi lầm, do đó việc anh L trình bày anh L vẫn còn thương chị P là chưa phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L trình bày trường hợp chị P không sống chung với anh L thì anh L sẽ xây dựng căn nhà mới cho chị P ở, chứ anh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P, chị P không thống nhất. Từ những căn cứ trên, xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Tòa án cấp sơ thẩm cho ly hôn giữa chị P và anh L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy kháng cáo không đồng ý ly hôn của anh L không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Tấn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Tấn L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Tấn L.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Tấn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010804 ngày 11/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng GDKTNV-THA TAT;
- Lưu: VT, HS (N)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng